

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HC-ST
Ngày 22 - 11 - 2021
V/v khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Đình Phùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 30/2018/TLST-HC ngày 04 tháng 7 năm 2018 về khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà H; trú tại: Số 45/45 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đặng Văn T1; trú tại: Số 45/45 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của bà H. (Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 10/5/2019 tại Văn phòng Công chứng A) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Ngô Thế Q – Luật sư đang hoạt động tại Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N; địa chỉ: Số 02/46 đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Thanh T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định (Vắng mặt)

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Văn T – Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Phạm Thanh T – Công chức Địa chính – Xây dựng phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 02/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định) (Vắng mặt)

2. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – Chi nhánh thị xã A;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Mạnh H – Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – Chi nhánh thị xã A (Vắng mặt)

3. Ông Đặng Văn T1; (Có mặt)

4. Ông Đặng Văn D1; (Vắng mặt)

5. Bà Đặng Thị Liễu; (Vắng mặt)

6. Ông Đặng Văn D2; (Có mặt)

Ông Đặng Văn T1, ông Đặng Văn D1, bà Đặng Thị Liễu và ông Đặng Văn D2 đồng trú tại: Số 45/45 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

7. Ông Đặng Thanh P; địa chỉ: Số 41 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn T1; trú tại: Số 45/45 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn D1, ông Đặng Thanh P và bà Đặng Thị L (Theo các Hợp đồng ủy quyền lập ngày 31/7/2018 tại Văn phòng Công chứng A và Giấy ủy quyền lập ngày 08/8/2018 tại Phòng Công chứng số 7 thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt)

8. Ông Đặng Đức M; (Vắng mặt)

9. Bà Lê Thị S; (Vắng mặt)

Ông Đặng Đức M và bà Lê Thị S đồng trú tại: Số 49 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

10. Anh Đặng Đức B; (Vắng mặt)

11. Chị Võ Thị Phương T; (Vắng mặt)

12. Anh Nguyễn Văn M; (Vắng mặt)

13. Chị Đặng Thị S; (Vắng mặt)

14. Anh Đặng Văn H; (Vắng mặt)

15. Chị Nguyễn Thị Thanh B; (Vắng mặt)

Anh Đặng Đức B, chị Võ Thị Phương T, anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S, anh Đặng Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh B đồng trú tại: Khu vực V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

16. Anh Đặng Bích H; (Vắng mặt)

17. Chị Ngô Thị Thúy L; (Vắng mặt)

Anh Đặng Bích H và chị Ngô Thị Thúy L đồng trú tại: Số 51 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà H và người đại diện hợp pháp của bà Hộ là ông Đặng Văn T1 thống nhất trình bày:

Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 08, diện tích 882m² tọa lạc tại số 05 đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 65) nay là số 49 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định có nguồn gốc là của ông bà để lại cho ông Đặng Đình C và bà H quản lý, sử dụng liên tục từ trước năm 1945. Ông Đặng Đình C chết năm 1968 và không để lại di chúc. Ông C và bà H có 06 người con là Đặng Văn T1, Đặng Văn D1, Đặng Thị L, Đặng Văn D2, Đặng Thanh P, Đặng Đức M; ngoài ra, ông C và bà H không có con riêng hay con nuôi nào khác. Trước năm 1945, vợ chồng bà H và các con cùng sinh sống tại ngôi nhà số 49 đường N; sau đó các con bà H lần lượt trưởng thành và ở riêng; chỉ có con trai trưởng là ông Đặng Đức M lập gia đình ở chung với bà H cho đến năm 2016 thì bà về ở chung với ông T1.

Thực hiện Chỉ thị số 299/TTG ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, bà H là người đăng ký kê khai thửa đất số 65; quản lý, sử dụng, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất liên tục và không có ai tranh chấp.

Vào năm 2016, khi vợ chồng ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S phân chia đất cho các con của ông M, bà S xây dựng nhà thì bà H mới biết được việc ông M đã tự ý lập Biên bản họp gia đình xác nhận nguồn gốc nhà và đất tại ngôi nhà số 05 đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định ngày 18/01/2006 (viết tắt là Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006) và đã được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01896/QSDĐ/I₉ ngày 24/01/2006 đối với thửa đất số 65 (viết tắt là GCN H01896). Bà H và ông T1 khẳng định là trên thực tế không có cuộc họp gia đình ngày 18/01/2006; dấu lẫn tay của bà H và các chữ ký của các ông T1, D1, D2, P trong biên bản họp gia đình nói trên là giả mạo và tất cả những người có quyền lợi đối với thửa đất số 65 không biết về việc ông M làm các thủ tục kê khai, hợp thức hóa để được cấp GCN H01896.

Ngày 01/3/2016, ông T1 đã gửi đơn khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng thửa đất số 65 đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định - Chi nhánh thị xã A (viết tắt là VPĐKĐĐ A); căn cứ chứng minh là báo phát của bưu điện đã thể hiện cán bộ VPĐKĐĐ A đã ký nhận vào ngày 02/3/2016; tuy nhiên, cho đến nay, VPĐKĐĐ A không có văn bản phản hồi, trả lời đối với yêu cầu khiếu nại của ông T1. Ngoài ra, trong suốt quá trình khiếu nại và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà H và các con đã có đơn yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền đang lưu giữ hồ sơ gốc về việc cấp GCN H01896 cung cấp bản gốc Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 nhưng không có cơ quan nào cung cấp được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và các con mới biết được thửa đất số 65 đã được tách thành 05 thửa đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp đổi 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho vợ chồng ông M và các con của ông M; cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03182 ngày 10/6/2016 cấp cho ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S đối với thửa đất số 564, tờ bản đồ số 08, diện tích 190m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là GCN CS03182).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03186 ngày 10/6/2016 cấp cho anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B đối với thửa đất số 565, tờ bản đồ số 08, diện tích 280m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là GCN CS03186).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03185 ngày 10/6/2016 cấp cho anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L đối với thửa đất số 566, tờ bản đồ số 08, diện tích 160,1m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là GCN CS03185).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03184 ngày 10/6/2016 cấp cho anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S đối với thửa đất số 567, tờ bản đồ số 08, diện tích 119,5m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là GCN CS03184).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03183 ngày 10/6/2016 cấp cho anh Đặng Đức B, chị Võ Thị Phương T đối với thửa đất số 568, tờ bản đồ số 08, diện tích 125,2m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là GCN CS03183).

Từ những căn cứ nói trên, việc Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND thị xã A) cấp GCN H01896 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 là không đúng quy định; do đó, bà H khởi kiện yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Ngoài ra, bà H không khởi kiện yêu cầu hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được xác lập giữa vợ chồng ông M, bà S và các con là anh Đặng Đức B, chị Võ Thị Phương T; anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L; anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B; anh Nguyễn Văn M, chị Đặng

Thị S. Về hậu quả pháp lý trong trường hợp Tòa án hủy GCN H01896, GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 thì bà H và các con của bà H sẽ tự giải quyết; nếu cần thiết sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, bà H và ông Đặng Văn T1 còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, bà H và ông T1 không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và đã có đơn yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thực hiện việc thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án theo yêu cầu của người khởi kiện theo quy định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Lê Thanh T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định trình bày:

Theo bản đồ đo đạc năm 1983, sổ mục kê ruộng đất năm 1984 đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND phường B) thì thửa đất số 461, tờ bản đồ số 04, diện tích 752m², loại đất T tọa lạc tại số 05 đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định do ông Đặng Đức M đứng tên đăng ký sử dụng. Theo bản đồ đo đạc năm 1993 thì thửa nói trên được đo đạc chính lý thành thửa đất số 65 do ông Đặng Đức M đứng tên đăng ký sử dụng.

Ngày 10/11/2005, vợ chồng ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 65 gửi đến UBND thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (nay là UBND phường B) để xem xét và ngày 10/01/2006, UBND thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND thị trấn B) đã trích lục bản đồ địa chính và lập sơ đồ hiện trạng nhà và đất đối với thửa đất nói trên. Trong quá trình kiểm tra, xác minh nguồn gốc đất đang sử dụng thì ông M có cung cấp cho UBND thị trấn B Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 với nội dung: Thống nhất cho khoảnh đất thổ cư tại số 05 đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (nay là số 49 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định) cho vợ chồng ông M xây dựng nhà ở; biên bản này đã được những người có liên quan ký tên và được UBND thị trấn B xác nhận vào ngày 20/01/2006.

Ngày 23/01/2006, UBND thị trấn B ký xác nhận hồ sơ đủ điều kiện và đề nghị UBND huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND huyện A) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S thửa đất số 65 và trên cơ sở đó, ngày 24/01/2006, UBND huyện A cấp GCN H01896 cho ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S đối với thửa đất nói trên. Hiện nay, VPĐKĐĐ A là cơ quan đang lưu giữ hồ sơ gốc về việc cấp GCN H01896.

Việc UBND huyện A cấp GCN H01896 là đúng quy định; do đó, UBND thị xã A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu hủy GCN H01896. Ngoài ra, UBND thị xã A không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Lê Văn T – Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định trình bày:

Ngày 20/3/2016, ông Đặng Đức M và bà Lê Thị S nộp hồ sơ đề nghị tách thửa đối với thửa đất số 65; thửa đất nói trên vợ chồng ông Minh đã được UBND huyện A cấp GCN H01896. Căn cứ quy định tại Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và khoản 11 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ địa chính thì ngày 19/4/2016, VPĐKĐĐ A phối hợp với UBND phường B và ông M thực hiện việc đo đạc, chia tách thửa đất số 65 thành 05 thửa; cụ thể như sau: thửa đất số 564, tờ bản đồ số 08, diện tích 190m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 564); thửa đất số 565, tờ bản đồ số 08, diện tích 280m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 565); thửa đất số 566, tờ bản đồ số 08, diện tích 160,1m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 566); thửa đất số 567, tờ bản đồ số 08, diện tích 119,5m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 567) và thửa đất số 568, tờ bản đồ số 08, diện tích 125,2m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 568).

Ngày 20/4/2016, ông M, bà S đã tặng cho quyền sử dụng đất cho các con là anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B thửa đất số 565; anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L thửa đất số 566; anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S thửa đất số 567; anh Đặng Đức B, chị Võ Thị Phương T thửa đất số 568; các bên đã lập hợp đồng tặng cho và đã được Văn phòng Công chứng B chứng thực vào ngày 20/4/2016 theo quy định. Cũng trong ngày 20/4/2016, ông M và bà S nộp hồ sơ đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị xã A; hồ sơ gồm: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, GCN H01896 và các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nói trên.

Trên cơ sở các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 565, 566, 567, 568 giữa vợ chồng ông M và các con đã được Văn phòng Công chứng B chứng thực theo quy định; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai ngày 29/11/2013, khoản 2 Điều 75 và Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ địa chính và sau khi những người có liên quan hoàn tất các thủ tục về việc nộp thuế, lệ phí thì ngày 10/6/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186.

Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là đúng quy định; do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu hủy các GCN CS03182, GCN CS03183, GCN

CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186. Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Phạm Thanh T – Công chức Địa chính – Xây dựng phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định trình bày:

Thửa đất số 65 có nguồn gốc là do ông bà tạo lập, để lại cho ông Đặng Đình C và bà H; sau đó vợ chồng ông C, bà H để lại cho vợ chồng ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S. Theo bản đồ đo đạc năm 1983, sổ mục kê ruộng đất năm 1984 đang lưu trữ tại UBND phường B và bản đồ đo đạc năm 1993 thì thửa đất nói trên do ông Đặng Đức M đứng tên đăng ký sử dụng.

Theo Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 thì các thành viên trong hộ gia đình ông M cũng đã xác nhận thửa đất số 65 có nguồn gốc là do ông bà tạo lập, để lại cho ông Đặng Đình C và bà H; sau đó vợ chồng ông C, bà H để lại cho vợ chồng ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S sử dụng từ năm 1966 cho đến nay.

Ngoài ra, từ ngày 10/6/2016 trở về trước, UBND phường B không có tiếp nhận bất kỳ đơn thư khiếu nại hoặc tranh chấp nào khác đối với thửa đất số 65.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án hủy GCN H01896, GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186, UBND phường B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, UBND phường B không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – Chi nhánh thị xã A trình bày:

VPĐKĐĐ A là cơ quan đang lưu giữ hồ sơ gốc về việc cấp GCN H01896. Qua rà soát, kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, VPĐKĐĐ A xác định hiện nay trong hồ sơ lưu trữ không có bản gốc Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 và VPĐKĐĐ A chưa cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào mượn hồ sơ gốc về việc cấp GCN H01896 kể từ khi quản lý hồ sơ nói trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án hủy GCN H01896, GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186, VPĐKĐĐ A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, VPĐKĐĐ A không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn T1, ông Đặng Văn D1, bà Đặng Thị L, ông Đặng Văn D2 và ông Đặng Thanh P thống nhất trình bày: Các ông bà là con của ông Đặng Đình C và bà H. Các ông bà thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà H; ngoài ra, không có ai có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đặng Đức M và bà Lê Thị S thống nhất trình bày:

Về quan hệ gia đình, ông M thống nhất như nội dung trình bày của bà H và ông M là con trai trưởng, cháu đích tôn trong gia đình.

Thửa đất số 65 có nguồn gốc là đất hương hỏa của ông bà để lại cho ông nội của ông M; ông nội ông M quản lý, sử dụng ổn thửa đất nói trên từ thời Pháp thuộc đến năm 1976. Vào năm 1967, khi còn sống, ông nội ông M đã giao lại thửa đất số 65 cho ông M (cháu đích tôn) với mục đích thờ cúng ông bà; việc ông nội ông M cho đất ông M chỉ nói miệng, không có giấy tờ chứng minh nhưng có nhiều người trong gia đình biết việc giao quyền sử dụng đất thửa đất nói trên và sau khi được giao đất, ông M bắt đầu quản lý, sử dụng ổn định thửa đất số 65 cho đến nay. Theo ông M thì tại thời điểm được cho đất, mặc dù ông Đặng Đình C còn sống nhưng do ông C, bà H lớn tuổi và từ chối nhận đất nên ông nội mới giao thửa đất số 65 cho ông để thờ cúng; việc ông C, bà H từ chối nhận đất không có văn bản chứng minh và ngoài ra, ông M không đưa thửa đất nói trên vào Hợp tác xã. Từ năm 1967 cho đến nay, ông C, bà H không có ở chung với ông M mà ở một thửa đất riêng; sau này, khi già yếu thì có đi đi về về.

Năm 2006, vợ chồng ông bà tiến hành đăng ký kê khai và đã được UBND huyện A cấp GCN H01896 đối với thửa đất số 65. Tại thời điểm làm các thủ tục đăng ký, kê khai, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A) có hướng dẫn ông M về làm 01 biên bản họp gia đình với nội dung ghi tên từng người một (cụ thể là bà H và con bà H); ngày tháng năm sinh, chứng minh nhân dân do cơ quan nào cấp của từng người; nguồn gốc đất và xác định đất không có tranh chấp. Ông M đã thực hiện theo hướng dẫn của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A; ông đã mời bà H và các ông Đặng Thanh P, Đặng Văn T1, Đặng Văn D1, Đặng Văn D2 về họp gia đình vào ngày 18/01/2006. Ông xác định là tại thời điểm họp gia đình vào ngày 18/01/2006 có bà H); các anh em trong gia đình là Phong, T1, Danh, Duy và vợ chồng ông; tất cả những người có mặt tại cuộc họp đã thống nhất nội dung như Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006; sau khi họp xong, tất cả đã cùng ký tên và bà H lăn tay xác nhận nội dung biên bản họp.

Sau đó, ông M đã mang Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 đưa cho Khu vực trưởng (ông Trần Văn C) ký xác nhận vào ngày 20/01/2006 và mang lên UBND thị trấn B ký xác nhận ngày 20/01/2006. Sau khi hoàn tất biên bản họp gia đình, khoảng 01-02 ngày sau, ông M mang nộp bổ sung Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A; tại thời điểm giao nhận, hai bên không có lập biên bản giao nhận; hiện nay, ông M không nhớ rõ là ông đã nộp bản gốc hay bản photocopy Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006.

Ngày 24/01/2006, UBND huyện A đã thực hiện việc cấp GCN H01896 cho ông bà đối với thửa đất số 65 theo quy định.

Năm 2016, ông bà lập 04 hợp đồng tặng cho một phần thửa đất số 65 cho con và vợ chồng 04 người con của ông bà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau: Anh Đặng Đức B, chị Võ Thị Phương T – GCN CS03183; anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L – GCN CS03185; anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B – GCN CS03186 và anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S - GCN CS03184. Sau khi tặng cho đất các con, phần diện tích đất còn lại (có nhà từ đường do vợ chồng ông tự bỏ tiền xây dựng) là của vợ

chồng ông và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp GCN CS03182.

Đối với bà Đặng Thị L, thì tại thời điểm họp gia đình (ngày 18/01/2006) bà L không có mặt ở địa phương mà đang làm ăn trong Sài Gòn; trước khi nộp biên bản họp gia đình, ông đã hỏi cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A trong trường hợp của gia đình ông có 01 người em gái đang làm ăn xa thì có cần ký hay không thì cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A đã trả lời là không cần do có mẹ và 05 anh em trong gia đình đã ký xong.

Hiện nay, ông bà và cũng như những người con trong gia đình không còn lưu giữ bản gốc Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006; còn cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào đang lưu giữ thì không biết và vợ chồng ông không có thực hiện việc cầm cố, thế chấp đối với GCN CS03182.

Từ những căn cứ nói trên, ông bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu Tòa án hủy GCN H01896, GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 vì không có căn cứ. Ngoài ra, ông bà không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Đặng Đức B trình bày:

Anh là con của ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S và anh thống nhất với nội dung trình bày của ông Minh.

Năm 2016, ông M và bà S lập hợp đồng tặng cho vợ chồng anh thửa đất số 568 (thuộc một phần thửa đất số 65) và vợ chồng anh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp CS03183; hiện nay, vợ chồng anh đã xây dựng nhà ở ổn định trên đất và không thực hiện việc cầm cố, thế chấp đối với thửa đất nói trên.

Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu Tòa án hủy GCN H01896, GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 vì không có căn cứ. Ngoài ra, anh không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Võ Thị Phương T, anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L, anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B, anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lập thủ tục lấy lời khai chị Võ Thị Phương T, anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L, anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B, anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S theo quy định nhưng những người nói trên từ chối trình bày các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố

tụng hành chính và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án hủy GCN H01896; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và hủy GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án hủy GCN H01896, GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; những người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có các yêu cầu độc lập nào khác.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định đối với yêu cầu của người khởi kiện bà H theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Thanh T - Chủ tịch UBND thị xã A, ông Lê Văn T – Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định, ông Lê Phạm Thanh T – Công chức Địa chính – Xây dựng phường B, ông Võ Mạnh H – Giám đốc VPĐKĐĐ A, ông Đặng Văn D1, bà Đặng Thị L, ông Đặng Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S, anh Đặng Đức B, chị Võ Thị Phương T, anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S, anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B, anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCN H01896, GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nói trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý và đưa ra giải quyết bằng vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện hủy GCN H01896:

Một trong các căn cứ để UBND huyện A (nay là UBND thị xã A) lập thủ tục cấp GCN H01896 là Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và các con bà H (ngoại trừ ông Đặng Đức M) đều cho rằng dấu lấn tay của bà H và các chữ ký của các ông T1, D1, D2, P trong Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 là giả mạo và tất cả những người có quyền lợi đối với thửa đất số 65 không biết về việc ông M làm các thủ tục kê khai, hợp thức hóa để được cấp GCN H01896; bà H và ông T1 khẳng định là trên thực tế không có cuộc họp gia đình ngày 18/01/2006. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tiến hành làm các thủ tục giám định dấu vân tay của bà H tại Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 nhưng tại Công văn số 218/CV ngày 14/8/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định đã từ chối giám định do không có bản gốc Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006. Hiện nay, qua xác minh tại UBND thị xã A và VPĐKĐĐ A thì trong hồ sơ lưu trữ không có bản gốc Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 và VPĐKĐĐ A chưa cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào mượn hồ sơ gốc về việc cấp GCN H01896 kể từ khi quản lý hồ sơ nói trên.

Theo lời khai của ông Đặng Đức M thì thửa đất số 65 có nguồn gốc là của ông bà nội cho lại ông để thờ cúng ông bà; tại thời điểm làm các thủ tục đăng ký, kê khai, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A) có hướng dẫn ông về làm 01 biên bản họp gia đình với nội dung ghi tên từng người một (cụ thể là bà H và con bà H); ngày tháng năm sinh, chứng minh nhân dân do cơ quan nào cấp của từng người; nguồn gốc đất và xác định đất không có tranh chấp; ông đã thực hiện theo hướng dẫn của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A; ông đã mời bà H và các ông Đặng Thanh P, Đặng Văn T1, Đặng Văn D1, Đặng Văn D2 về họp gia đình vào ngày 18/01/2006; tại thời điểm họp gia đình vào ngày 18/01/2006 có bà H, các anh em trong gia đình là P, T1, D1, D2 và vợ chồng ông; tất cả những người có mặt tại cuộc họp đã thống nhất nội dung như Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006; sau khi họp xong, tất cả đã cùng ký tên và bà H lấn tay xác nhận nội dung biên bản họp. Tuy nhiên, ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất số 65 có nguồn gốc là của ông bà nội cho lại ông M để thờ cúng ông bà và việc lập Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 là theo sự hướng dẫn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A).

Hiện nay, mặc dù không tìm thấy bản gốc Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 nhưng theo nội dung Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006: *“Về nguồn gốc đất thổ cư: Là do ông bà nội tạo lập trước năm 1945. Sau đó ông bà nội (chết) để lại cho vợ chồng ba tôi: Tên Đặng Đình C và mẹ tôi là H...”* và nội dung Công văn số 42/UBND ngày 25/4/2019 của UBND phường B *“Nguồn gốc thửa đất số 65: Do ông bà tạo lập để lại cho cha mẹ ông Đặng Đức M là ông Đặng Đình C và bà H, sau đó vợ chồng ông Đặng Đình C để lại cho vợ chồng ông Đặng Đức M sử dụng từ trước năm 1975 đến nay”* thì có căn cứ để xác định thửa đất số 65 có nguồn gốc là của ông bà để lại cho vợ chồng ông Đặng Đình C và bà H.

Ông Đặng Đình C chết năm 1968 và không để lại di chúc. Ông C và bà H có 06 người con là Đặng Văn T1, Đặng Văn D1, Đặng Thị L, Đặng Văn D2, Đặng

Thanh P, Đặng Đức M; ngoài ra, ông C và bà H không có con riêng hay con nuôi nào khác. Theo lời khai của ông M thì tại thời điểm lập Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 chỉ có bà H, các anh em trong gia đình là P, T1, D1, D2 và vợ chồng ông; đối với bà Đặng Thị L, thì tại thời điểm họp gia đình (ngày 18/01/2006) bà L không có mặt ở địa phương mà đang làm ăn trong Sài Gòn. Lời khai của ông M phù hợp với danh sách của những người có tên tại Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006. Căn cứ quy định tại các Điều 613, 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự thì bà H và 06 người con là Đặng Văn T1, Đặng Văn D1, Đặng Thị L, Đặng Văn D2, Đặng Thanh P, Đặng Đức M được xác định là người thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Đình C. Tại thời điểm lập Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006, bà L không có mặt và từ trước đến nay cũng không có văn bản nào thể hiện bà L từ chối nhận di sản hoặc ủy quyền cho các thành viên trong gia đình được toàn quyền định đoạt thừa đất số 65.

Từ những căn cứ nói trên, hình thức Biên bản họp gia đình ngày 18/01/2006 là không đúng quy định nên dẫn đến trình tự, thủ tục và căn cứ để UBND huyện A (nay là UBND thị xã A) lập thủ tục cấp GCN H01896 cũng không đúng quy định.

Tuy nhiên, vào ngày 20/4/2016, ông Đặng Đức M và bà Lê Thị S nộp hồ sơ đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất đối với GCN H01896 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị xã A trên cơ sở các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 565, 566, 567, 568 giữa vợ chồng ông M, bà S với các con là anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B; anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L; anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S; anh Đặng Đức B, chị Võ Thị Phương T. Ngày 10/6/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định đã thực hiện việc cấp GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186.

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai ngày 29/11/2013 thì nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; do đó, hiện nay, quyết định hành chính bị kiện (GCN H01896) không còn tồn tại do đã bị nhà nước thu hồi.

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án hủy GCN H01896.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện hủy GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186:

[3.1] Theo các đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018 và ngày 01/6/2018 thì bà H khởi kiện yêu cầu hủy GCN H01896. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà H mới biết được bên cạnh GCN H01896 thì vợ chồng Minh và các con đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186. Do đó, ngày 25/3/2019, bà H đã làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy GCN CS03182,

GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3.2]. Căn cứ quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013 và Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì hình thức của GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 được ban hành đúng quy định.

[3.3] Ông Nguyễn H – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định (theo lĩnh vực được phân công, ủy quyền thường xuyên) là người ký ban hành GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai ngày 29/11/2013, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì thẩm quyền ban hành GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 là hợp pháp.

[3.4] Về thời hiệu và thời hạn ban hành GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 phù hợp với quy định tại Luật Đất đai ngày 29/11/2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ địa chính.

[3.5] Xét tính hợp pháp về trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 20/3/2016, ông Đặng Đức M làm đơn đề nghị tách thửa đối với thửa đất số 65 với mục đích là để tặng cho con 04 phần (Đơn đề nghị tách thửa nói trên có xác nhận của VPĐKĐĐ A nhưng không ghi ngày, tháng xác nhận). Ngày 18/4/2016, VPĐKĐĐ A phối hợp với UBND phường B tiến hành xác định thực tế hiện trạng thửa đất số 65 và tại biên bản về việc xác định diện tích hiện trạng thửa đất ngày 18/4/2016 có nội dung là “*Hộ sử dụng ổn định từ trước tới nay, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp...*”. Trên cơ sở việc tách thửa nói trên, thửa đất số 65 được tách thành 05 thửa và sau đó, vợ chồng ông M, bà S đã lập các Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho các con (Anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B; anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L; anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S và anh Đặng Đức B, chị Võ Thị Phương T) một phần thửa đất 65 được Văn phòng công chứng B chứng thực ngày 20/4/2016. Ngày 20/4/2016, ông M và bà S nộp hồ sơ đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị xã A; hồ sơ gồm: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, GCN H01896 và các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông M, bà S với các con. Ngày 10/6/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định đã cấp GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 cho vợ chồng ông M, bà S và các con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện đã cung cấp cho Tòa án Đơn khiếu nại đình việc chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 01/3/2016 của ông Đặng Văn T1 gửi cho VPĐKĐĐ A về việc đề nghị VPĐKĐĐ A dừng việc đo đạc, lập thủ tục tách thửa đối với thửa đất số 65 do đang có tranh chấp đối với thửa đất nói trên. Tại Công văn số 67/CNVPĐKĐĐ ngày 23/4/2019 của VPĐKĐĐ A (BL 225) thì VPĐKĐĐ A cũng đã thừa nhận là vào ngày 03/3/2016, VPĐKĐĐ A có nhận được Đơn khiếu nại đình việc chuyển quyền sử dụng đất của ông T1 nói trên. Như vậy, kể từ ngày 03/3/2016 đã phát sinh tranh chấp đối với thửa đất số 65 và cho đến nay, tranh chấp đối với thửa đất nói trên vẫn chưa được giải quyết; việc VPĐKĐĐ A lập hồ sơ đề nghị tách thửa đối với thửa đất số 65 và xác nhận hiện trạng sử dụng đất là *“Hộ sử dụng ổn định từ trước tới nay, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp...”* trong khi đã có Đơn khiếu nại đình việc chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 01/3/2016 của ông T1 là không đúng với thực tế. Trên cơ sở việc đo đạc tách thửa đất số 65 nói trên, vợ chồng ông M, bà S đã thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 65 cho các con và ngày 10/6/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định thực hiện việc cấp GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 là không đúng quy định tại Điều 101 Luật Đất đai ngày 29/11/2013.

Từ những căn cứ nói trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H; hủy GCN CS03182, GCN CS03183, GCN CS03184, GCN CS03185, GCN CS03186 do trình tự, thủ tục ban hành không đúng quy định.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định phải chịu 150.000 đồng và UBND thị xã A phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà H thống nhất tự nguyện chịu án phí hành chính sơ thẩm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; do đó, buộc bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp theo Biên lai thu số 08177 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm h khoản 1 Điều 143; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ

Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ địa chính.

- Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà H về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01896/QSDĐ/I₉ ngày 24/01/2006 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định) cấp cho ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 08, diện tích 882m² tọa lạc tại số 05 đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định (nay là số 49 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định).

Bà H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu nói trên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau đây:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03182 ngày 10/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp cho ông Đặng Đức M, bà Lê Thị S đối với thửa đất số 564, tờ bản đồ số 08, diện tích 190m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03186 ngày 10/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp cho anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Thanh B đối với thửa đất số 565, tờ bản đồ số 08, diện tích 280m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03185 ngày 10/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp cho anh Đặng Bích H, chị Ngô Thị Thúy L đối với thửa đất số 566, tờ bản đồ số 08, diện tích 160,1m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03184 ngày 10/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp cho anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị S đối với thửa đất số 567, tờ bản đồ số 08, diện tích 119,5m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03183 ngày 10/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp cho anh Đặng Đức B, chị Võ Thị Phương T đối với thửa đất số 568, tờ bản đồ số 08, diện tích 125,2m² tọa lạc tại đường N, thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp theo Biên lai thu số 08177 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Hải